

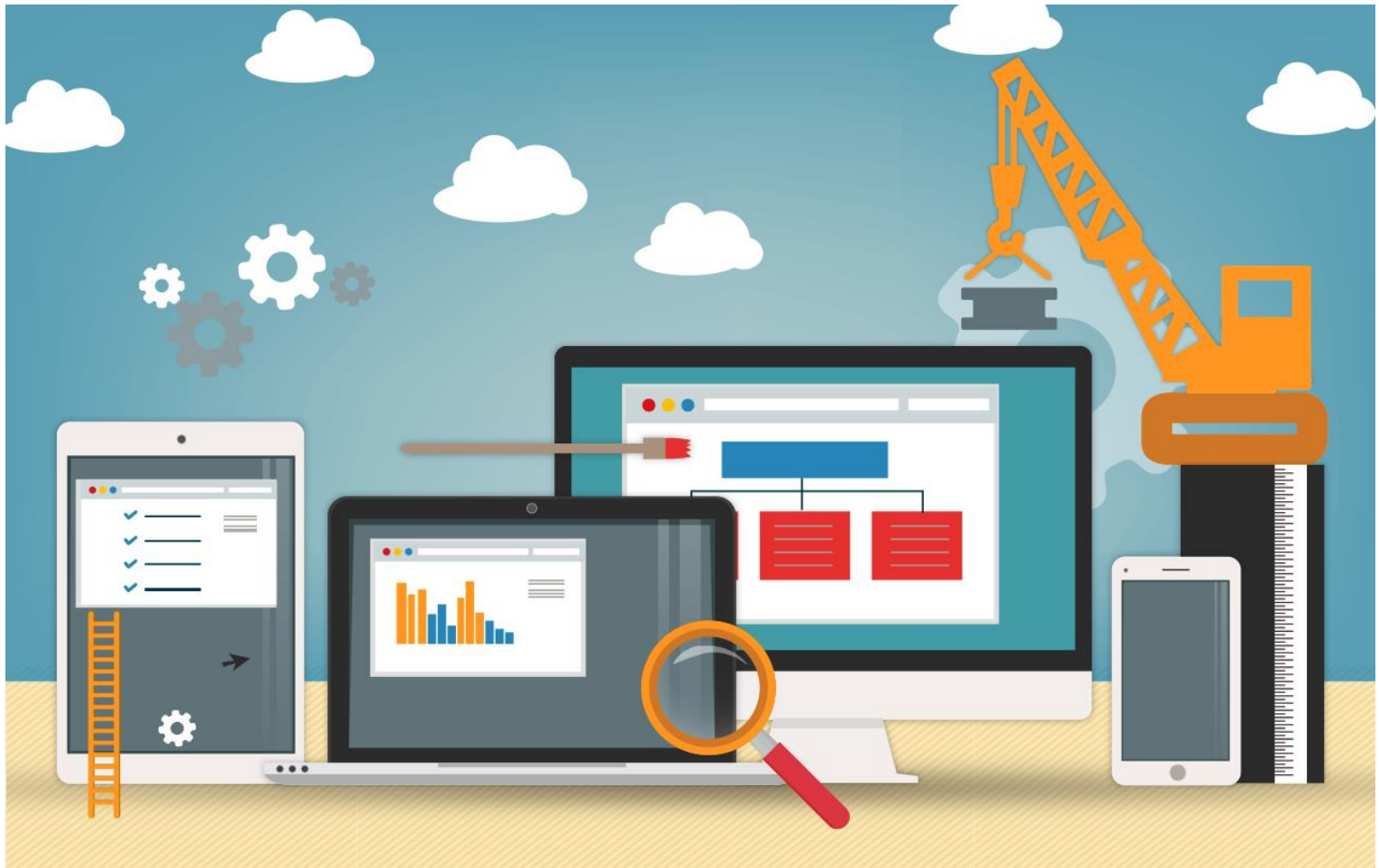
Thiết kế Web

Thiết kế Web là gì?

Web design bao gồm nhiều kỹ năng và nguyên tắc khác nhau để xây dựng và duy trì một website.

Các lĩnh vực của thiết kế Web bao gồm: thiết kế giao diện Web (phần mềm, các thiết bị điện tử), tác quyền (mã lập trình và các phần mềm độc quyền), và tối ưu hóa tìm kiếm (SEO).

Thiết kế Web



Thiết kế Web

Thiết kế Web có thể thực hiện theo team hoặc cá nhân riêng rẽ.

Thiết kế Web gồm các kỹ năng và kỹ thuật

- Thiết kế truyền thông và quảng cáo (marketing)
- Thiết kế giao diện người dùng
- Bố cục trang (Page layout)
- Phong cách Web: hình ảnh, màu sắc, kiểu dáng, font chữ, ..
- Chuyển động đồ họa: CSS 3D, Flash, Java applet, Silverlight, ...

Thiết kế Web

Nghề nghiệp thiết kế Web:

- Nhà thiết kế Web (Web Designer)
- Nhà phát triển Web (Web Developer)

Một số nghề liên quan:

- **Thiết kế thẩm mỹ (thiết kế đồ họa)**
- Chuyên gia quảng cáo Internet
- Chuyên gia SEO, nhà quản trị website
- Nhà biên tập nội dung Internet (Internet copywriter)
- Nhà tư vấn thiết kế Web, nhà bảo mật nội dung Web, ...

Giới thiệu về HTML

HTML là gì?

HTML = **Hyper Text Markup Language**, là một ngôn ngữ đánh dấu chứa tập các thẻ đánh dấu
Tài liệu HTML được mô tả bởi các thẻ (tag) HTML
Mỗi thẻ HTML thể hiện một nội dung khác nhau



Giới thiệu về HTML

Ví dụ HTML

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<title>Page Title</title>
</head>
<body>

<h1>My First Heading</h1>
<p>My first paragraph.</p>

</body>
</html>
```

My First Heading

My first paragraph.

Giới thiệu về HTML

Giải thích ví dụ

Thẻ mở **<html>** và thẻ đóng **</html>** mô tả một tài liệu HTML

Thẻ mở **<head>** và thẻ đóng **</head>** cung cấp thông tin phần đầu của trang web

Thẻ mở **<title>** và thẻ đóng **</title>** là tiêu đề của trang web

Giới thiệu về HTML

Giải thích ví dụ

Cặp thẻ **<body>**, **</body>** mô tả nội dung trang

Cặp thẻ **<h1>**, **</h1>** mô tả đề mục

Cặp thẻ **<p>**, **</p>** mô tả một đoạn văn bản

Giới thiệu về HTML

Thẻ HTML

Thẻ HTML là từ khóa bao quanh bởi dấu ngoặc nhọn (<, >):

<tên thẻ>nội dung</tên thẻ>

Giới thiệu về HTML

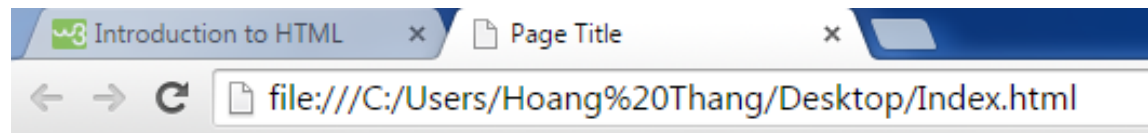
Thẻ HTML

Thẻ HTML thường đi 1 cặp gồm thẻ mở `<p>` và thẻ đóng `</p>`

Giới thiệu về HTML

Web Browsers

Mục đích của trình duyệt web (Chrome, IE, Firefox, Safari) là để đọc và hiển thị nội dung.



My First Heading

My first paragraph.

Giới thiệu về HTML

Cấu trúc trang HTML

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<title>Page title</title>
```

```
</head>
```

```
<body>
```

```
<h1>This is a heading</h1>
```

```
<p>This is a paragraph.</p>
```

```
<p>This is another paragraph.</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

Giới thiệu về HTML

Chỉ thị `<!DOCTYPE>`

`<!DOCTYPE>` giúp định nghĩa phiên bản HTML để nội dung hiển thị được chính xác.

Giới thiệu về HTML

Chỉ thị <!DOCTYPE>

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<!DOCTYPE HTML>
```

```
<!doctype html>
```

```
<!Doctype Html>
```

Giới thiệu về HTML

Các chỉ thị chung

HTML5

```
<!DOCTYPE html>
```

HTML 4.01

```
<!DOCTYPE HTML PUBLIC "-//W3C//DTD HTML 4.01 Transitional//EN"  
"http://www.w3.org/TR/html4/loose.dtd">
```

XHTML 1.0

```
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN"  
"http://www.w3.org/TR/xhtml1/DTD/xhtml1-transitional.dtd">
```

Giới thiệu về HTML

Phiên bản HTML

Version	Year
HTML	1991
HTML 2.0	1995
HTML 3.2	1997
HTML 4.01	1999
XHTML	2000
HTML5	2014

Chương trình thiết kế HTML

Soạn thảo HTML

HTML có thể được soạn thảo bằng:

- Microsoft WebMatrix
- Sublime Text
- **Web Expression 4.0**
- **Notepad ++**

Khi mới học HTML thì nên dùng **Notepad (PC)** hay **TextEdit (Mac)**.

Chương trình thiết kế HTML

Viết mã HTML

Viết mã vào Notepad

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<body>
```

```
<h1>My First Heading</h1>
```

```
<p>My first paragraph.</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

Chương trình thiết kế HTML

Viết mã HTML

Lưu tập tin dùng File -> Save as .html, .htm

Xem nội dung trang HTML trên trình duyệt

Mở file đã lưu bằng trình duyệt

Chương trình thiết kế HTML

Bài tập

1. Tạo trang web với tiêu đề (title) là tên sinh viên và nội dung là mã số sinh viên nằm trong cặp thẻ <h1>

Các ví dụ HTML cơ bản

Tài liệu HTML

Tất cả tài liệu HTML phải bắt đầu bằng: **<!DOCTYPE html>**.

Tài liệu HTML bắt đầu bằng **<html>** và kết thúc **</html>**.

Phần nội dung tài liệu HTML nằm giữa cặp thẻ **<body>** and **</body>**.

Các ví dụ HTML cơ bản

Tiêu đề HTML

Tiêu đề HTML được định nghĩa từ thẻ **<h1>** đến thẻ **<h6>**

<h1>This is a heading**</h1>**

<h2>This is a heading**</h2>**

<h3>This is a heading**</h3>**

Các ví dụ HTML cơ bản

Đoạn văn bản HTML

Đoạn văn bản HTML được định nghĩa bằng thẻ **<p>**:

`<p>This is a paragraph.</p>`

`<p>This is another paragraph.</p>`

Các ví dụ HTML cơ bản

Liên kết HTML

Liên kết HTML được định nghĩa bằng thẻ `<a>`:

```
<a href="http://it.dlu.edu.vn">This is a link</a>
```


Các ví dụ HTML cơ bản

Hình ảnh HTML

Hình ảnh HTML dùng thẻ ****.

Các thuộc tính: tập tin nguồn (**src**), dòng chữ thay thế khi hình ảnh không hiện (**alt**), và (**width, height**) độ rộng, độ cao.

```

```

Các phần tử HTML

Phần tử HTML

Các phần tử HTML bắt đầu bằng thẻ mở và kết thúc bằng thẻ đóng, bên trong chứa nội dung:

`<tagname>content</tagname>`

Một phần tử HTML là toàn bộ mọi thứ từ thẻ mở đến thẻ đóng:

`<p>My first HTML paragraph.</p>`

Các phần tử HTML

Phần tử HTML

Start tag	Element content	End tag
<code><h1></code>	My First Heading	<code></h1></code>
<code><p></code>	My first paragraph.	<code></p></code>
<code>
</code>		

Các phần tử HTML

Phần tử HTML

Start tag	Element content	End tag
<code><h1></code>	My First Heading	<code></h1></code>
<code><p></code>	My first paragraph.	<code></p></code>
<code>
</code>		

Các phần tử HTML

Đừng quên thẻ đóng

Một số phần tử HTML không có thẻ đóng vẫn hiển thị đúng trong một số trường hợp, tuy nhiên không nên quên thẻ đóng:

```
<html>  
<body>
```

```
<p>This is a paragraph  
<p>This is a paragraph
```

```
</body>  
</html>
```

Các phần tử HTML

Phần tử HTML trống

Phần tử HTML không có nội dung bên trong được gọi là phần tử trống.

**
** là phần tử trống (thẻ **
** dùng để xuống dòng).

Phần tử trống có thể đóng ngay từ đầu: **
**.

Các phần tử HTML

Thẻ HTML viết thường

Thẻ HTML không phân biệt hoa, thường: thẻ **<P>** được hiểu như thẻ **<p>**.

Tuy nhiên, theo tiêu chuẩn nên viết thường.

Các thuộc tính HTML

Thuộc tính HTML

Phần tử HTML có thể chứa **thuộc tính**

Thuộc tính cung cấp thông tin thêm cho một phần tử

Thuộc tính luôn nằm ở thẻ mở

Thuộc tính gồm 1 cặp tham số/giá trị giống như: **name="value"**

Các thuộc tính HTML

Thuộc tính lang

Thuộc tính lang (ngôn ngữ) có thể định nghĩa trong thẻ **<html>**.

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html lang="en-US">
```

```
<body>
```

```
<h1>My First Heading</h1>
```

```
<p>My first paragraph.</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

Các thuộc tính HTML

Thuộc tính title

Đoạn văn bản HTML có thể định nghĩa trong thẻ **<p>** với thuộc tính title.

```
<p title="Khoa Công nghệ Thông tin, Đà Lạt">  
Khoa Công nghệ Thông tin, trường đại học Đà  
Lạt được thành lập năm 2003.  
</p>
```

Các thuộc tính HTML

Thuộc tính href

Liên kết HTML được định nghĩa bằng thẻ `<a>`. Địa chỉ liên kết được mô tả trong thuộc tính **href**:

```
<a href="http://dammio.com">This is a link</a>
```

Các thuộc tính HTML

Thuộc tính Size

Hình ảnh HTML được định nghĩa bằng thẻ ****.

Các thuộc tính gồm địa chỉ lưu trữ ảnh (**src**), kích thước (**width** và **height**)

```

```

HTML Attributes

Thuộc tính **alt** (văn bản thay thế)

Thuộc tính **alt** mô tả đoạn văn bản thay thế khi phần tử HTML không thể hiển thị.

```

```

Các thuộc tính HTML

Luôn dùng viết thường

Luôn dùng ngoặc kép cho giá trị thuộc tính

``

`` ✓

`` ✓

Các thuộc tính HTML

Bài tập mô tả ý nghĩa và cách sử dụng các thuộc tính

Thuộc tính

Mô tả

alt

href

src

title

lang

width

height

Tiêu đề HTML

Tiêu đề HTML

<h1> đến <h6>

<h1>This is a heading</h1>

<h2>This is a heading</h2>

<h3>This is a heading</h3>

HTML Headings

Thẻ <hr>

<hr> để tạo 1 dòng phân chia ngang trong trang web

<p>This is a paragraph.</p>

<hr>

<p>This is a paragraph.</p>

<hr>

<p>This is a paragraph.</p>

HTML Headings

Thẻ Meta

Thẻ meta dùng để định nghĩa thông tin cho trang Web

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```
  <title>My First HTML</title>
```

```
  <meta charset="UTF-8">
```

```
</head>
```

HTML Headings

Các thẻ phong cách

Thẻ <style> để định nghĩa phong cách CSS bên trong trang

Thẻ <link> để định nghĩa phong cách CSS bên ngoài trang

Đoạn văn trong HTML

Đoạn văn bản

Phần tử `<p>` định nghĩa đoạn văn bản.

`<p>This is a paragraph</p>`

`<p>This is another paragraph</p>`

Đoạn văn trong HTML

Hiển thị HTML

Trong HTML, bất cứ khoảng trắng nào cũng tính là 1.

```
<p>  
This paragraph  
contains a lot of lines  
in the source code,  
but the browser  
ignores it.  
</p>
```

```
<p>  
This paragraph  
contains          a lot of spaces  
in the source      code,  
but the            browser  
ignores it.  
</p>
```

Đoạn văn trong HTML

Vấn đề với đoạn thơ

<p>This poem will display as one line:</p>

<p>

My Bonnie lies over the ocean.

My Bonnie lies over the sea.

My Bonnie lies over the ocean.

Oh, bring back my Bonnie to me.

</p>

Đoạn văn trong HTML

Phần tử <pre>

Phần tử <pre> định nghĩa dạng văn bản chưa định dạng trước.

Văn bản trong phần tử <pre> được hiển thị trong dạng font cố định, thường là Courier

<pre>

My Bonnie lies over the ocean.

My Bonnie lies over the sea.

My Bonnie lies over the ocean.

Oh, bring back my Bonnie to me.

</pre>

Phong cách HTML

Mỗi phần tử HTML đều có phong cách mặc định (chữ đen, nền trắng).

Thay đổi phong cách có thể áp dụng thông qua thuộc tính **style**.

```
<body style="background-color:lightgrey">
```

```
<h1>This is a heading</h1>
```

```
<p>This is a paragraph.</p>
```

```
</body
```


Phong cách HTML

Thuộc tính HTML Style

Thuộc tính phong cách HTML có cú pháp sau:

`style="property:value"`

Phong cách HTML

Màu văn bản HTML

Thuộc tính color định nghĩa màu cho văn bản:

```
<h1 style="color:blue">This is a heading</h1>
```

```
<p style="color:red">This is a paragraph.</p>
```

Phong cách HTML

Thuộc tính font-family

Thuộc tính font-family định nghĩa kiểu font cho văn bản:

```
<h1 style="font-family:verdana">This is a heading</h1>  
<p style="font-family:courier">This is a paragraph.</p>
```

Phong cách HTML

Thuộc tính font-size

Định nghĩa kích thước chữ cho văn bản:

```
<h1 style="font-size:300%">This is a heading</h1>
```

```
<p style="font-size:160%">This is a paragraph.</p>
```

Phong cách HTML

Thuộc tính text-align

Dùng để canh dòng ngang cho văn bản

```
<h1 style="text-align:center">Centered Heading</h1>  
<p>This is a paragraph.</p>
```

Thuộc tính vertical-align

Dùng để canh dòng dọc cho văn bản

Định dạng văn bản HTML

Các phần tử định dạng HTML

- ****, **** - in đậm văn bản
- **<i>**, **** - in nghiêng văn bản
- **<mark>** - đánh dấu văn bản
- **<small>** - chữ nhỏ
- **** - gạch ngang ở giữa
- **<ins>** - gạch chân
- **<sub>** - văn bản nhỏ dưới chân
- **<sup>** - văn bản nhỏ trên đầu

HTML **Marked** Formatting

defines ~~deleted~~ (removed) text.

defines _{subscripted} text.

defines ^{superscripted} text.